TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 68/2024/HNGĐ-ST Ngày: 08/8/2024 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Chí Tâm

Ông Đỗ Huy Sơn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Kim Tỏa, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng C, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Tạm trú: Số S đường C, phường Q, quận R, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Lê H, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 01/4/2024, đơn thay đổi nội dung đơn khởi kiện lập ngày 01/7/2024, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đặng C trình bày:

Bà và ông Lê H có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 10/8/2006 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N (nay là Phường B, thị xã N), tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng bà sống rất vui vẻ, hạnh phúc, thời gian về sau vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, do bất đồng

quan điểm trong cuộc sống, đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thay đổi, ông H có người phụ nữ khác bên ngoài nhưng bà không có yêu cầu xem xét giải quyết về vấn đề vi phạm hôn nhân một vợ một chồng, bà và ông H đã ly thân với nhau từ năm 2023 đến nay nên bà giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Lê H.

Về con chung: Bà và ông Lê H có hai con chung tên Lê T, sinh ngày 20/10/2007 và Lê V, sinh ngày 28/8/2012, hiện nay hai con chung đang được bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà cũng có hỏi nguyện vọng của hai con bà đều muốn theo bà sau khi cha mẹ ly hôn. Bà yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Bị đơn ông Lê H đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không trình bày ý kiến gửi đến Toà án, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa

3/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự còn bị đơn vắng mặt không rõ lý do là chưa chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà C được ly hôn với ông H. Về con chung: Giao hai cháu Lê T, sinh ngày 20/10/2007 và Lê V, sinh ngày 28/8/2012 cho bà C nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con bà C không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông H theo quy định của pháp luật. Về nợ chung, tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Đặng C vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt còn bị đơn ông Lê H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê H và bà Đặng C là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N (nay là Phường B, thị xã N), tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà C là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa ông H và bà C, theo bà

Châu cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông H không còn chung thủy, tình cảm vợ chồng đã không còn, hai vợ chồng bà đã ly thân với nhau từ năm 2023 đến nay và bà giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Lê H. Quá trình tố tụng ông H đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng ông bà nhưng ông H vẫn cố tình không đến Tòa án để tham gia, bỏ mặc đối với yêu cầu ly hôn của bà C. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của ông H và bà C đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, không còn tin tưởng nhau, tình trạng mâu thuẫn giữa ông H và bà C là trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C, cho bà C được ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Ông Lê H và bà Đặng C có hai con chung là cháu Lê T, sinh ngày 20/10/2007 và Lê V, sinh ngày 28/8/2012, theo bà C trình bày thì hiện nay hai cháu T và V đang sống chung với bà, bà C có nguyện vọng nuôi hai con, ông H không có ý kiến phản đối, hai cháu hiện nay đều hơn 07 tuổi, đều có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ (bà C). Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".* Giữa ông H và bà C không thỏa thuận được với nhau về việc giao con cho một bên cha hoặc mẹ nuôi các cháu cho nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyết định. Từ khi ly thân đến nay thì cháu T và cháu V được mẹ ruột là bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, các cháu đều có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ ruột sau khi cha mẹ ly hôn với nhau, để không làm xáo trộn môi trường sống của các cháu và không làm ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu cho nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H và cháu V cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho ông Hận không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Đặng C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005232 ngày 22/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Ông Lê H không phải chịu án phí.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng C.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng C được ly hôn với ông Lê H.

2/ Về con chung: Giao cháu Lê T, sinh ngày 20/10/2007 và Lê V, sinh ngày 28/8/2012 cho bà Đặng C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Ông Lê H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Bà Đặng C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005232 ngày 22/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Ông Lê H không phải chịu án phí.

6/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- UBND Phường B, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng